

**CHƯƠNG TRÌNH THI TUYỂN NGÂN HÀNG AGRIBANK**  
**BÀI THI TUYỂN DỤNG VỊ TRÍ CÁN BỘ TÍN DỤNG**

**Môn thi: Nghiệp vụ**

**Họ và tên:**

**Ngày sinh:**

**Điện thoại:**

**Email:**

**Ngày thi:**

***Hướng dẫn:***

1. Mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm.
2. Mỗi câu chỉ có **MỘT** đáp án đúng.
3. Trả lời bằng cách **khoanh tròn** vào đáp án Anh/Chị cho là đúng ở **Phiếu trả lời trắc nghiệm**.

**Phần 1: Lựa chọn đáp án đúng nhất (Mỗi câu 0,5 điểm)**

**Câu 1: Theo Luật Các tổ chức tín dụng 2010, Chọn đáp án đúng nhất: Tổ chức tín dụng là:**

- A. Doanh nghiệp thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động ngân hàng**
- B. Ngân hàng
- C. Loại hình ngân hàng được thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Luật này nhằm mục tiêu lợi nhuận
- D. Tất cả đều đúng

**Câu 2: Tỷ lệ nợ xấu của Ngân hàng Thương mại phản ánh điều gì sau đây:**

- A. Phản ánh các khoản cho vay của Ngân hàng Thương mại được cho là tổn thất một phần hoặc toàn bộ gốc và lãi.
- B. Phản ánh mức độ cho vay của Ngân hàng Thương mại đối với các khoản nợ có khả năng hoàn trả quá 90 ngày**
- C. Phản ánh chất lượng tín dụng sau khi đã dùng quỹ dự phòng rủi ro tín dụng để bù đắp cho nợ xấu.
- D. Không câu nào đúng

**Câu 3: Chứng khoán nào dưới đây là loại không xác định thời hạn?**

- A. Trái phiếu
- B. Cổ phiếu phổ thông**
- C. Cổ phiếu ưu đãi được chuyển thành cổ phiếu thường
- D. Trái phiếu chuyển đổi

**Câu 4: Tại quy định về phân loại nợ theo phương pháp định lượng, các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba chưa bị quá hạn được phân loại vào nhóm nợ nào?**

- A. Nhóm 2
- B. Nhóm 3
- C. Nhóm 4
- D. Nhóm 5**

**Câu 5: Khái niệm doanh nghiệp Nhà nước theo Luật doanh nghiệp**

- A. Doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (*Luật cũ 2015*)
- B. Doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ
- C. **Doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (năm 2020)**
- D. Không có phương án đúng

**Câu 6: Theo Quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, Vốn tự có để tính tỷ lệ an toàn vốn bao gồm những khoản nào?**

- A. Vốn cấp 1 và các khoản giảm trừ khỏi vốn tự có
- B. Vốn cấp 1 và vốn cấp 2
- C. Vốn cấp 1, vốn cấp 2 và vốn cấp 3
- D. **Vốn cấp 1, vốn cấp 2 và các khoản giảm trừ khỏi vốn tự có**

**Trả lời:** Theo Khoản 2, Điều 8. Vốn tự có, Thông tư 22/2019/TT-NHNN

Điều 8. Vốn tự có

Vốn tự có bao gồm tổng vốn cấp 1 và vốn cấp 2 trừ đi các khoản giảm trừ quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này.

**Câu 7: TCTD được phép giải ngân cho chi phí lãi vay trong thời gian xây dựng khi?**

- a. Chi phí lãi vay > tỷ suất sinh lời của dự án
- b. **Chi phí lãi được tính trong dự toán xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật**
- c. Tất cả đều sai
- d. Tất cả đều đúng

**Trả lời:** Khoản 5, Điều 8, Thông tư 39/2016 về hoạt động Cho vay

**Câu 8: Khi vay vốn ngân hàng, khách hàng là doanh nghiệp cần lập bộ hồ sơ gồm những giấy tờ nào ?**

- A. Giấy đề nghị vay vốn, giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân của khách hàng.
- B. Phương án sản xuất kinh doanh và kế hoạch trả nợ hoặc dự án đầu tư, báo cáo tài chính của thời kỳ gần nhất.

C. Các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp, cầm cố hoặc bảo lãnh nợ vay và các giấy tờ liên quan cần thiết khác.

D. **Tất cả những giấy tờ nêu trên**

## **Phần 2: Trả lời Đúng/Sai và giải thích (Mỗi câu 1 điểm)**

**Câu 1:** Ông A góp vốn bằng 2 xe tải vận hành khách cùng với các thành viên khác thành lập Công ty TNHH B. Theo quy định, Ông A có cần chuyển quyền sử dụng sang công ty TNHH B không? Giải thích?

Căn cứ Pháp lý:

- Luật Doanh nghiệp năm 2015

**Căn cứ theo Điều 36, Luật Doanh nghiệp 2015 quy định:**

Điều 36. Chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn

1. Thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và cổ đông công ty cổ phần phải chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn cho công ty theo quy định sau đây:

a) Đối với tài sản có đăng ký quyền sở hữu hoặc giá trị quyền sử dụng đất thì người góp vốn phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản đó hoặc quyền sử dụng đất cho công ty tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Việc chuyển quyền sở hữu đối với tài sản góp vốn không phải chịu lệ phí trước bạ;

Như vậy, trường hợp ông A sở hữu 2 xe tải và góp vốn chính bằng tài sản đó khi thành lập Công ty TNHH B thì ông A bắt buộc phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản đó cho Công ty TNHH B tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Câu 2:** NHNN có thể yêu cầu TCTD duy trì tỷ lệ đảm bảo an toàn cao hơn các mức quy định. Điều này đúng hay sai:

- a. **Đúng**  
b. Sai

**Trả lời: Căn cứ theo Thông tư 22/2019/TT-NHNN**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**



1. Thông tư này quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động mà các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thường xuyên duy trì, bao gồm:

- a) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu. Tỷ lệ này không áp dụng đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện tỷ lệ an toàn vốn theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) (sau đây gọi là Thông tư 41/2016/TT-NHNN);
- b) Hạn chế, giới hạn cấp tín dụng;
- c) Tỷ lệ khả năng chi trả;
- d) Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn;
- đ) Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;
- e) Giới hạn góp vốn, mua cổ phần;
- g) Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi.

2. Căn cứ kết quả giám sát, kiểm tra, thanh tra của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong trường hợp cần thiết để bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tùy theo tính chất, mức độ rủi ro, Ngân hàng Nhà nước yêu cầu ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện một hoặc một số giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn chặt chẽ hơn so với các mức quy định tại Thông tư này.

### Phần 3: Bài tập (Mỗi bài 2 điểm)

**Bài 1:** Công ty A có nhu cầu vay vốn tại Agribank để thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

- Tổng mức VDT cố định gồm:
  - + Chi phí Xây dựng nhà xưởng: 10.000 triệu
  - + Chi phí máy móc thiết bị: 8.500 triệu
  - + Chi phí khác: 165 triệu
- Vốn chủ sở hữu tham gia bằng 32% tổng dự án đầu tư.
- Các nguồn vốn khác tham gia thực hiện DA: 1400.5 triệu

Số tiền còn thiếu, công ty A vay tại Agribank.

Dự án dự kiến khởi công ngày 01/08/2017. Thời gian thi công là 10 tháng, thời gian sản xuất thử 2 tháng, Công ty A được Agribank giải ngân từ ngày thi công.

- Lợi nhuận DN thu được hàng năm trước khi đầu tư là 5.200 triệu. Dự kiến sau khi đầu tư thực hiện DA, lợi nhuận tăng thêm 30% so với trước khi đầu tư.

- Tỷ lệ khấu hao TSCĐ hàng năm: 15%

- Giá trị TSBĐ: 17.000 triệu. Mức cho vay tối đa của Agribank là 70% giá trị tài sản thế chấp.

Toàn bộ lợi nhuận tăng thêm được dùng để trả nợ tại Agribank. Nguồn trả nợ khác là 150 triệu đồng/năm.

Trên cơ sở dữ liệu trên, Anh chị xác định Số tiền cho vay & Thời gian cho vay của Agribank đối với Công ty A?

### Bài giải:

#### a/ Xác định số tiền Agribank cho vay Công ty A

\* Nhu cầu vay của DN để thực hiện dự án:

Tổng vốn đầu tư =  $10.000 + 8.500 + 165 = 18.665$  triệu

Vốn chủ sở hữu =  $18.665 * 32\% = 5.972,8$  triệu

Vốn khác = 1.400,5 triệu

⇒ Mức cho vay =  $18.665 - 5.972,8 - 1.400,5 = 11.291,7$  triệu (1)

\* Mức cho vay phù hợp nhất đối với DN để thực hiện dự án

Giá trị TSBĐ = 17.000 triệu

⇒ Mức cho vay theo TSBĐ =  $70\% * 17.000 = 11.900$  triệu (2)

Từ (1) & (2), ta có Mức cho vay phù hợp với DN = **11.291,7 triệu**

#### b/ Xác định thời gian cho vay của Agribank với Công ty A

Thời hạn cho vay = Thời gian ân hạn (Txd) + Thời gian thu nợ (Ttn)

+ Thời gian ân hạn: 12 tháng (Thời gian thi công + Thời gian chạy thử) ⇒ Trong thời gian này, Công ty A tiến hành thi công chạy thử, không thể tạo ra nguồn thu nhập để trả nợ.

+ Thời gian thu nợ = Mức cho vay / Số tiền trả nợ bình quân hàng năm

+ Số tiền trả bình quân hàng năm = Khấu hao + Lợi nhuận dùng trả nợ + Nguồn khác

\* Khấu hao dùng để trả nợ ngân hàng của DN từ dự án là?

Khấu hao dùng để trả nợ Ngân hàng hàng năm = Mức cho vay \* Tỷ lệ khấu hao TSCĐ hàng năm =  $11.291,7 * 15\% = 1.693,755$  triệu

**\* Lợi nhuận dùng để trả nợ ngân hàng của DN**

Lợi nhuận tăng thêm của Dự án dùng làm nguồn trả nợ hàng năm=  $5.200 \cdot 30\% = 1.560$  triệu

**\* Nguồn trả nợ khác hàng năm = 150 triệu**

**=> Số tiền trả nợ bình quân hàng năm = 3.403,755 triệu**

=> Thời gian thu nợ =  $11.291,7 / 3.403,755 = 3.32$  năm = 40 tháng

⇒ Thời hạn cho vay =  $40 + 12 = 52$  tháng

**Bài 2:** Ngày 13/6/2012 doanh nghiệp A gửi đến ngân hàng bảng kê chứng từ kèm theo các chứng từ xin chiết khấu như sau:

| Chứng từ           | Số tiền (triệu đồng) | Ngày phát hành | Ngày đến hạn |
|--------------------|----------------------|----------------|--------------|
| Hối phiếu 003      | 120                  | 30/4/2012      | 30/7/2012    |
| Tín phiếu Kho bạc  | 60                   | 15/4/2012      | 15/7/2012    |
| Lệnh phiếu 001     | 30                   | 14/5/2012      | 14/8/2012    |
| Trái phiếu Kho bạc | 100                  | 20/7/2007      | 20/7/2012    |
| Hối phiếu 005      | 72                   | 20/3/2012      | 30/6/2012    |
| Lệnh phiếu 002     | 80                   | 1/6/2012       | 1/10/2012    |

Yêu cầu:

1/ Hãy xem xét quyết định việc chiết khấu các chứng từ trên (có giải thích)?

2/ Tính toán chiết khấu đối với những chứng từ ngân hàng nhận chiết khấu?

Biết rằng:

- Khả năng nguồn vốn NH đáp ứng đủ nhu cầu vay của khách hàng
- Theo quy định NH chỉ ghi nhận chiết khấu những chứng từ có thời hạn còn lại không dưới 20 ngày và không quá 90 ngày
- LSCK : 9%/năm, tỷ lệ hoa hồng ký hậu: 0.6%/năm, tối thiểu là 40.000 đồng; hoa hồng phí cố định là 30.000đ cho mỗi chứng từ.
- Hạn mức chiết khấu tối đa ấn định cho khách hàng là 300 trđ; dư nợ tài khoản chiết khấu tại thời điểm khách hàng xin chiết khấu: 120 trđ



- Doanh nghiệp A là khách hàng có tín nhiệm với NH và nội dung kinh tế của hối phiếu đảm bảo tốt
- Ngân hàng thực hiện CK ngày 15/6/2012

**GIẢI ĐÁP:**

Ngày 13/06/2012, DN A xin chiết khấu (NH thực hiện CK ngày 15/06/2012)

| STT | Loại chứng từ      | Thời hạn còn lại - t (ngày) |
|-----|--------------------|-----------------------------|
| 1   | Hối phiếu 003      | 45                          |
| 2   | Tín phiếu kho bạc  | 30                          |
| 3   | Lệnh phiếu 001     | 60                          |
| 4   | Trái phiếu kho bạc | 35                          |
| 5   | Hối phiếu 005      | 15                          |
| 6   | Lệnh phiếu 002     | 108                         |

a/ Do Ngân hàng chỉ nhận chiết khấu với chứng từ có thời hạn còn lại không dưới 20 ngày, không quá 90 ngày => Loại chứng từ đủ điều kiện chiết khấu là 1,2,3,4.

Loại chứng từ không đủ điều kiện chiết khấu là: 5 (do dưới 20 ngày) và 6 (do quá 90 ngày)

**b/ Tính toán chiết khấu:**

\* Với Hối phiếu 003

$$V1 = C - E - H$$

Ta có:

$$+ C = 120 \text{ trđ}$$

$$+ E = (C * t * i) / 365 = 120 * 9\% * 45 / 365 = 1.33 \text{ triệu}$$

$$+ H = H1 + H2, \text{ trong đó:}$$

$$H1 = C * t * h / 365 = 120 * 0.6\% * 45 / 365 = 0.088 \text{ triệu} > 0.04 \text{ triệu (là mức tối thiểu để so sánh)}$$

$$H2 = 0.03 \text{ triệu}$$

$$\Rightarrow H = 0.118 \text{ triệu}$$

$$\Rightarrow V1 = 120 - 1.33 - 0.118 = 118.552 \text{ triệu}$$

\* Với Tín phiếu Kho bạc:

$$V2 = C - E - H$$

Trong đó:

$$+ C = 60$$



$$+ E = C * t * i / 365 = 60 * 9\% * 30 / 365 = 0.44 \text{ triệu}$$

$$+ H = H1 + H2$$

$$H1 = 60 * 0.6\% * 30 / 365 = 0.029 < 0.04 \text{ triệu là mức tiêu chuẩn} \Rightarrow H1 = 0.04$$

$$H2 = 0.03$$

$$\Rightarrow H = 0.07$$

$$\Rightarrow V2 = 60 - 0.44 - 0.07 = 59.49 \text{ triệu}$$

**\* Lệnh phiếu 001:**

$$V3 = C - E - H$$

Trong đó:

$$+ C = 30$$

$$+ E = 30 * 9\% * 60 / 365 = 0.44 \text{ triệu}$$

$$+ H = H1 + H2$$

$$H1 = 30 * 0.6\% * 60 / 365 = 0.029 < 0.04 \Rightarrow H1 = 0.04$$

$$H2 = 0.03$$

$$\Rightarrow H = 0.07$$

$$\Rightarrow V3 = 30 - 0.44 - 0.07 = 29.49 \text{ triệu}$$

**\* Trái phiếu Kho bạc:**

$$V4 = C - E - H$$

Trong đó:

$$+ C = 100$$

$$+ E = 100 * 9\% * 35 / 365 = 0.86$$

$$+ H = H1 + H2$$

$$H1 = 100 * 0.6\% * 35 / 365 = 0.057 > 0.04$$

$$H2 = 0.03$$

$$\Rightarrow H = 0.087$$

$$\Rightarrow V4 = 100 - 0.86 - 0.087 = 99.053$$

Như vậy, Tổng mức Ngân hàng chiết khấu cho KH là  $= V1 + V2 + V3 + V4 = 306.585$  triệu

Hạn mức chiết khấu còn lại của Khách hàng  $= 300 - 120 = 180$  triệu

$\Rightarrow$  NH sẽ phải ưu tiên Chiết khấu theo cơ sở Số tiền chiết khấu lớn nhất & Thời gian đến hạn gần nhất.

⇒ NH sẽ chiết khấu cho Khách hàng: Hối phiếu 003 (118.552 trđ) và Tín phiếu Kho bạc (59.49 triệu)